



HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THỔ NHĨ KỲ

Người liên hệ: Tạ Tuyết Mai

Tel: 04.35742162

Email: maitt@vcci.com.vn

8.2018

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THỔ NHĨ KỲ

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	1
1. Các thông tin cơ bản	1
2. Lịch sử	1
3. Đường lối đối ngoại	2
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ	2
1. Tổng quan	2
2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:	3
3. Các chỉ số kinh tế	3
III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM	4
Các chuyến thăm cao cấp gần đây.....	4
IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM.....	4
1. Hợp tác thương mại.....	5
2. Hợp tác đầu tư.....	6
V. HỢP TÁC VỚI VCCI	6
1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết	6
2. Hoạt động đã triển khai	6
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH	7
1. Địa chỉ hữu ích	7
2. Các thông tin khác.....	8
Bảng 1: Xuất khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ	8
Bảng 2: Nhập khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ.....	8



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên nước	Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ (Republic of Turkey)
Thủ đô	Ankara
Quốc khánh	29/10
Diện tích	780,580 km ²
Dân số	80,845,215 (7/ 2017) trong đó người Thổ chiếm 70-75%, người Kurk chiếm 19%, các dân tộc khác 7-12%
Các thành phố lớn	Istanbul 14.164 triệu người; ANKARA (thủ đô) 4.75 triệu người; Izmir 3.04 triệu người; Bursa 1.923 triệu người; Adana 1.83 triệu người, Gaziantep 1.528 triệu người (2015).
Khí hậu	Mùa đông lạnh, ẩm ướt, có tuyết nhiều tháng. Mùa hè ôn hoà. Nhiệt độ trung bình 20oC..
Ngôn ngữ	Tiếng Thổ là quốc ngữ, ngoài ra còn có tiếng Cuốc, Đim-li, A-ze-ri, Ka-bac-đi-an ...
Tôn giáo	99.8% dân số theo Đạo Hồi (dòng Sunni) ngoài ra còn có tín đồ Thiên chúa giáo và Do thái giáo
Đơn vị tiền tệ	Lira (1 USD = 3.5 Lira, năm 2016)
Múi giờ	GMT + 2
Thế chế	Cộng hoà nghị viện
Tổng thống	Recep Tayyip ERDOGAN (từ 10/08/2014)
Thủ tướng	Binali YILDIRIM (từ 22/05/2016)

2. Lịch sử

Thổ Nhĩ Kỳ có nền văn minh lâu đời (từ hơn 2000 năm trước công nguyên). Từ 1200 trước Công Nguyên, Thổ Nhĩ Kỳ bị Hy Lạp, La Mã xâm chiếm, đô hộ. Từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 13, Thổ bị đế quốc A-rập thôn tính, truyền bá đạo Hồi vào Thổ. Từ thế kỷ 14 Thổ trở thành một đế quốc phong kiến



cường thịnh (đế quốc Ôt-tô-man), thôn tính phần lớn vùng Trung Đông, Bắc Phi và đô hộ khu vực này cho đến đầu thế kỷ 20.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, là đồng minh của nước Đức bại trận, Thổ Nhĩ Kỳ bị Anh, Pháp, Hy-lạp chia nhau chiếm đóng.

Năm 1919, dưới sự lãnh đạo của Mustafa Kamal, nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đã đứng lên chống chế độ phong kiến và quân chiếm đóng nước ngoài. Tháng 4/1920, chính phủ đầu tiên do M.Kamal đứng đầu đã được thành lập. Ngày 29 tháng 10 năm 1923, nước Cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập.

3. Đường lối đối ngoại

Từ sau chiến tranh lạnh đến nay, Thổ thi hành chính sách đối ngoại đa dạng hoá, chủ trương phát triển quan hệ với nhiều nước khác nhau, nhưng vẫn giành ưu tiên quan hệ với phương Tây và Mỹ, chủ trương xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ và thúc đẩy tiến trình gia nhập EU. Thổ có quan hệ tốt với các nước khu vực Balkan, Trung Đông và các nước thuộc Liên Xô cũ. Hiện nay Thổ đang phát triển quan hệ với Ấn Độ, Trung Quốc, Canada và mong muốn mở rộng quan hệ với các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan

Nền kinh tế thị trường tự do chủ yếu của Thổ Nhĩ Kỳ được thúc đẩy bởi ngành công nghiệp và các ngành dịch vụ ngày càng tăng, mặc dù ngành nông nghiệp truyền thống vẫn chiếm khoảng 25% việc làm. Các ngành công nghiệp ô tô, hóa dầu và điện tử đã tăng tầm quan trọng và vượt qua các ngành dệt may truyền thống trong ngành xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, sự ổn định chính trị và tính năng động kinh tế gần đây đang bị thay thế bởi những bất ổn trong nước và các vấn đề an ninh, tạo ra biến động thị trường tài chính và ảnh hưởng mạnh đến triển vọng kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ.

Chính sách hiện hành của chính phủ nhấn mạnh các biện pháp chi tiêu dân túy và phá vỡ tín dụng, trong khi thực hiện cải cách kinh tế cơ cấu đã chậm lại. Chính phủ đóng một vai trò tích cực hơn trong một số lĩnh vực chiến lược và đã sử dụng các thể chế kinh tế và cơ cấu quản lý để nhắm vào các đối thủ chính trị, làm suy yếu niềm tin của khu vực tư nhân trong hệ thống tư pháp. Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017, ba cơ quan xếp hạng tín dụng đã hạ xếp hạng tín dụng chủ quyền của Thổ Nhĩ Kỳ, trích dẫn những lo ngại về quy định của pháp luật và tốc độ cải cách kinh tế.

thổ Nhĩ Kỳ vẫn phụ thuộc nhiều vào dầu khí nhập khẩu nhưng đang theo đuổi các mối quan hệ năng lượng với các đối tác quốc tế và thực hiện các bước tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng trong nước bao gồm năng lượng tái tạo, hạt nhân và than. Đường ống dẫn khí tự nhiên của Thổ Nhĩ Kỳ-Azerbaijan Trans-Anatolian đang tiến lên để tăng cường vận chuyển khí Caspi đến Thổ Nhĩ Kỳ và châu Âu, và khi hoàn thành sẽ giúp đa dạng hóa nguồn khí đốt nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ.

Sau khi Thổ Nhĩ Kỳ trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng vào năm 2001, Ankara đã thông qua cải cách tài chính và tài chính như một phần của chương trình IMF. Các chương trình tư nhân hóa tích cực cũng làm giảm sự tham gia của nhà nước trong ngành công nghiệp cơ bản, ngân hàng, giao thông, phát điện, và truyền thông. Điều kiện kinh tế toàn cầu và chính sách tài chính chặt chẽ hơn khiến GDP phải ký hợp đồng trong năm 2009, nhưng thị trường tài chính và hệ thống ngân hàng tài chính của Thổ Nhĩ Kỳ đã giúp nước này vượt qua khủng hoảng tài chính toàn cầu và tăng trưởng GDP tăng trở lại khoảng 9% trong năm 2010 và 2011. phục hồi sau cuộc khủng hoảng.



Sự tăng trưởng GDP của Thổ Nhĩ Kỳ kể từ năm 2016 đã cho thấy sự mất cân bằng cơ bản liên tục trong nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ. Đặc biệt, thâm hụt tài khoản vãng lai lớn của Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa là nó phải dựa vào dòng vốn đầu tư bên ngoài để tài trợ cho tăng trưởng, khiến cho nền kinh tế dễ bị mất ổn định trong việc thay đổi niềm tin của nhà đầu tư. Các xu hướng tiêu cực khác bao gồm thất nghiệp gia tăng và lạm phát, tăng lên trong năm 2017, do sự mất giá liên tục của đồng lira Thổ Nhĩ Kỳ so với đồng đô la. Mặc dù nợ của chính phủ vẫn ở mức thấp khoảng 30% GDP, ngân hàng và vay doanh nghiệp gần như tăng gấp ba lần so với GDP trong thập kỷ qua, vượt xa các thị trường mới nổi và khiến các nhà đầu tư lo ngại về tính bền vững lâu dài của nó.

2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Tài nguyên thiên nhiên phong phú, công nghiệp khai khoáng phát triển, khai thác 900.000 tấn crôm/năm (đứng đầu thế giới). Trữ lượng dầu lửa 139 triệu tấn. Sản lượng dầu khoảng 3 triệu tấn/năm. Thổ phải nhập khẩu dầu thô, chiếm 10,5% tổng giá trị nhập khẩu. Ngoài ra còn có than đá, đồng, bo.

3. Các chỉ số kinh tế

	2014	2015	2016	2017
GDP (ppp)	1.512 nghìn tỷ USD	1.985 nghìn tỷ USD	2,106 nghìn tỷ USD	2,173 nghìn tỷ USD
Tăng trưởng GDP	5.2%	6.1%	2.9%	7%
GDP theo đầu người	20,100 USD	20,700 USD	21,100 USD	26,900 USD
GDP theo ngành (2016)	<p>Nông nghiệp, 6.70% Công nghiệp, 31.80% Dịch vụ, 61.40%</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Nông nghiệp ■ Công nghiệp ■ Dịch vụ 			
Lực lượng lao động	27.56 triệu người	29.4 triệu người	30.54 triệu người	31.3 triệu người
Tỷ lệ thất nghiệp	9.2%		10.9%	11.2%
Tỷ lệ lạm phát	8.9%	7.7%	8.5%	11.1%
Mặt hàng nông nghiệp	Thuốc lá, vải sợi, ngũ cốc, ô liu, củ cải đường, quả phỉ, xung, cây có múi; chăn nuôi			
Các ngành nông nghiệp	Dệt máy, chế biến thực phẩm, ô tô, đồ điện, khai khoáng, sắt thép, dầu khí, xây dựng, gỗ, giấy			
Tăng trưởng công nghiệp	2.8%		1.3%	3%
Kim ngạch xuất khẩu	157.6 tỷ USD	143.8 tỷ USD	150.2 tỷ USD	157.3 tỷ USD
Mặt hàng XK chính	Rau, quả, hàng dệt may, sắt, thép, thiết bị vận tải			
Đối tác XK chính (2015)	Đức 9.3%, Anh 7.3%, Iraq 5.9%, Ý 4.8%, Hoa Kỳ 4.5%, Pháp 4.1%			
Kim ngạch	154.2 tỷ USD	207.2 tỷ USD	142.5 tỷ USD	196.8 tỷ USD



nhập khẩu				
Mặt hàng XK chính	Máy móc, hoá chất, xăng dầu, thiết bị vận tải			
Đối tác NK chính (2015)	Trung Quốc 12%, Đức 10.3%, Nga 9.8%, Hoa Kỳ 5.4%, Ý 5.1%			

III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

Ngày 7/6/1978, hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

Tháng 2/1997, Thổ Nhĩ Kỳ lập Đại sứ quán thường trú tại Hà Nội.

Tháng 10/1999, ta mở Văn phòng Đại diện Thương mại tại Istanbul.

Tháng 7/2002, ta mở Tổng Lãnh sự quán tại Istanbul.

Tháng 10/2003, ta nâng TLSQ tại Istanbul lên Đại sứ quán và chuyển về An-ca-ra.

Các chuyến thăm cao cấp gần đây

Các đoàn ta thăm Thổ Nhĩ Kỳ:

Bộ trưởng Thương mại Lê Văn Triết (8/1997). Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phúc Thanh (từ 24/5 đến 5/6/1998). Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn (từ 28/10 đến 1/11/1999). Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên (20-23/6/2005). Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Võ Thị Thắng (9/2005). Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công An (8/2007). Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan. (9/6/2010). Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên (2/2011). Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan (5/2011), Thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Phương Nga (4/2013)

Các đoàn bạn thăm Việt Nam:

Bộ trưởng Ngoại giao ISMAIL CEM (từ 20 đến 22/2/1998). Đặc phái viên của Bộ trưởng Ngoại giao (tháng 4/2006). Đại sứ, Đặc phái viên Bộ trưởng Ngoại giao (12/2007). Bộ trưởng Nội vụ vào họp UBHH 28-31/8/2006. Đại sứ CH Thổ Nhĩ Kỳ Ates Oktem (8/5/2008). Thứ trưởng Ngoại giao Unal Cevikoz (1/2010). Bộ trưởng Ngoại giao Ahmed Davutoglu (7/2010). Đại sứ CH Thổ Nhĩ Kỳ Ates Oktem (17/5/2011), Thủ tuownsg Thổ Nhĩ Kỳ Binali Yildirim (8/2017)

Hai bên luôn ủng hộ lẫn nhau Thủ tướng Binali Yildirim đề nghị Việt Nam ủng hộ Thổ Nhĩ Kỳ ứng cử vào Hội đồng Chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 2017- 2021 và bày tỏ ủng hộ Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2020- 2021.

IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM

Ủy ban Liên chính phủ Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ đã họp lần thứ 7 vào ngày 13/7/2017 nhằm trao đổi các thông tin liên về tình hình phát triển kinh tế tại mỗi nước và thảo luận, thống nhất một số biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai nước. Hai bên nhất trí đặt mục tiêu phấn đấu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên mức 4 tỷ USD vào năm 2020. Phía Thổ Nhĩ Kỳ đề xuất khởi xướng đàm phán một FTA song phương; trong khi phía Việt Nam đề nghị Thổ Nhĩ Kỳ công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường và hạn chế áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam để có thể xem xét, xử lý hài hòa lợi ích và mối quan tâm của nhau.

Về công nghiệp, hai bên nhất trí mở rộng hợp tác để hỗ trợ cho các hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo đó, Cục Công nghiệp địa phương thuộc Bộ Công Thương Việt Nam và Cơ quan quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ Thổ Nhĩ Kỳ-KOSGEB đã ký kết Kế hoạch hành động tại Kỳ họp lần này



để tiếp tục thúc đẩy hoạt động hợp tác trong lĩnh vực doanh nghiệp vừa và nhỏ giữa hai bên. Về đầu tư, hai bên đã thống nhất xong nội dung Bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu chế xuất giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ để sớm ký kết vào thời điểm thuận tiện, tạo thuận lợi cho các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực đầu tư giữa hai nước. Về hải quan, hai bên đã thống nhất xong nội dung Bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực hải quan giữa Bộ Tài chính và Bộ Thương mại và Hải quan Thổ Nhĩ Kỳ để ký kết vào thời gian sớm nhất. Về tiêu chuẩn chất lượng, hai bên cũng đã thống nhất xong nội dung thỏa thuận hợp tác giữa Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng và Viện Tiêu chuẩn Thổ Nhĩ Kỳ. Đây là những khuôn khổ pháp lý quan trọng đối với các hoạt động giao thương, trao đổi thương mại của doanh nghiệp giữa hai nước.

Nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đầu tư giữa hai nước, tháng 6/2016, Hãng hàng không Quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ (Turkish Airlines) đã mở đường bay từ Hà Nội tới Thành phố Hồ Chí Minh nối chuyến rồi bay thẳng tới Istanbul với tần suất 7 chuyến/ tuần. Trước đó, hai nước đã ký kết các hiệp định về vận chuyển hàng không, vận tải biển, tránh đánh thuế hai lần.

1. Hợp tác thương mại

Quan hệ kinh tế và thương mại giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam được đánh dấu bằng sự tăng trưởng vượt bậc trong những năm gần đây. Nếu 10 năm trước, kim ngạch giữa hai quốc gia chỉ đạt 600 triệu USD, thì đến năm 2017 đã đạt được 3,3 tỷ USD, qua đó chúng ta thấy được một bước nhảy vọt lớn trong quan hệ thương mại của hai nước. Cho dù vậy, con số hiện tại không phản ánh đúng tiềm năng thực sự của hai nước. Nhận ra được điều đó, trong phiên họp thứ 7 của Ủy ban Kinh tế và Thương mại Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ (JETC) được tổ chức tại Hà Nội vào năm 2017 vừa qua, hai bên đã đặt mục tiêu hướng tới kim ngạch thương mại đạt 4 tỷ USD đến cuối năm 2020.

Trong 4 tháng đầu năm 2018, hầu hết các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ đều có sự tăng trưởng, ngoại trừ một số mặt hàng có sự giảm sút như máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, cao su, phương tiện vận tải, hạt tiêu. Trong đó, hạt tiêu giảm tới 47,5% và phương tiện vận tải, phụ tùng giảm 22,3% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, các mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam sang thị trường Thổ như điện thoại và linh kiện, xơ sợi dệt các loại và hàng dệt may có kim ngạch xuất khẩu tăng vọt so với 4 tháng năm 2017, cụ thể, điện thoại và linh kiện tăng 67,7% đạt 307,95 triệu USD trong 4 tháng năm nay, xơ sợi dệt các loại tiếp tục có xu hướng tăng như đầu năm nay, tăng tới 91% đạt 62,76 triệu USD, còn hàng dệt may tăng đột biến lên tới 119,2% lên 14,19 triệu USD sau khi kết thúc tháng 4 năm 2018. Ngoài ra, nhóm hàng máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tuy giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2018 của Việt Nam gần 100 triệu USD, chiếm 16,56% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này. Tổng kim ngạch xuất khẩu của 4 nhóm sản phẩm chính này chiếm tới 80% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam 4 tháng đầu năm 2018 sang Thổ Nhĩ Kỳ.

Góp phần vào sự tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong 4 tháng đầu 2018 còn có sự đóng góp từ sự tăng trưởng bất ngờ của một số mặt hàng so với cùng kỳ năm 2017 tuy kim ngạch xuất khẩu còn hạn chế so với các sản phẩm chính, cụ thể, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 90,6%, hàng thủy sản tăng 141,4% (chủ yếu là cá da trơn phi lê đông lạnh), gạo tăng tới 1.601,1% đạt xấp xỉ 2,5 triệu USD và sắt thép các loại cũng tăng 142%.



Năm	Việt Nam xuất khẩu	Việt nam nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Mức tăng (%)
2013	1,173,487	97,001	1,270,488	13.3
2014	1,507,730,862	129,997,705	1,637,728,567	14.5
2015	1,359,637,354	147,444,639	1,507,081,993	-8%
2016	1,328,764,249	171,383,644	1,500,147,893	-0.46%
2017	1 900 462	223 725	2,124,187	

Kim ngạch XNK giữa Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ - Đơn vị: USD - nguồn Tổng Cục Hải quan

Thực tế cho thấy, Thổ Nhĩ Kỳ thực sự là thị trường tiềm năng lớn đối với các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam. Đây là cửa ngõ để hàng xuất khẩu Việt Nam: gạo, cao su, chè, may mặc, giày dép, hàng điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ... vào khu vực Trung Đông và nơi trung chuyển vào thị trường EU. Ngược lại Thổ Nhĩ Kỳ có khả năng cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp của Việt Nam như phân bón, sắt thép, vật liệu xây dựng, bông, hóa chất, phụ tùng ô tô...

Cùng với đó, việc hãng hàng không Thổ Nhĩ Kỳ Turkis Airlines đã mở đường bay thẳng từ Istanbul đến TP.HCM là cầu nối quan trọng để doanh nghiệp hai nước có thể thúc đẩy các hoạt động trao đổi buôn bán thương mại và đầu tư.

2. Hợp tác đầu tư

Đầu tư của Thổ Nhĩ Kỳ vào Việt Nam còn ở mức khiêm tốn. Tính đến tháng 7/2017, tổng số vốn đầu tư của Thổ Nhĩ Kỳ vào Việt Nam chỉ mới đạt 704.55 triệu USD với 16 dự án còn hiệu lực và đứng thứ 27 trong số 122 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam. Tính riêng tháng 7/2017, Thổ Nhĩ Kỳ có 1 dự án cấp mới với số vốn là 0.2 triệu USD.

V. HỢP TÁC VỚI VCCI

Nhìn chung hợp tác giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam với các tổ chức xúc tiến của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn chưa có gì lớn, phần lớn là theo vụ việc, tổ chức các sự kiện hoặc cung cấp thông tin phục vụ doanh nghiệp. VCCI luôn cử đại diện tham gia các kỳ họp Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ và hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp là thành viên của Hội đồng doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ - Việt Nam.

1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

- Liên đoàn các Phòng Thương mại và Sở giao dịch hàng hoá Thổ Nhĩ Kỳ (TOBB) - 10/2009

2. Hoạt động đã triển khai

- 10/2007, trong khuôn khổ chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã tổ chức đoàn 30 doanh nghiệp tiến hành khảo sát thị trường Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

- 10/2009, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam (VCCI) phối hợp với Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam và Liên đoàn các Phòng Thương mại và Công nghiệp và Sở giao dịch hàng hoá Thổ Nhĩ Kỳ (TOBB) tiếp đón đoàn doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ tới thăm Việt nam và tổ chức cuộc gặp gỡ doanh nghiệp hai nước, với sự tham gia gần 100 đại biểu bao gồm đại diện của các tổ chức xúc tiến thương mại và tập đoàn lớn của Thổ Nhĩ Kỳ và nhiều doanh nghiệp Việt Nam quan tâm tới thị trường này.

- 30/10/2009 - Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập theo sáng kiến của VCCI, bao gồm các hội viên là các doanh nghiệp Việt Nam có quan hệ làm ăn với đối tác Thổ Nhĩ Kỳ.



- 06/2010- Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ đã tổ chức đoàn doanh nghiệp Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ tham dự sự kiện Cầu nối thế giới 2010 (World Trade Bridge 2010) theo lời mời của TUSKON. Đoàn đã tiếp xúc với nhiều doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ, đi thăm một số địa phương và được Thống đốc các bang, Thị trưởng thành phố và các đại diện của Hiệp hội doanh nghiệp địa phương đón tiếp. Bước đầu các doanh nghiệp Việt Nam đã đạt được 1 số thoả thuận với đối tác bạn để xúc tiến ký kết các hợp đồng xuất khẩu hàng nông sản và đồ thủ công mỹ nghệ sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Dự kiến, phía bạn sẽ sang thăm Việt Nam vào tháng 8/2010 theo lời mời của Hội đồng.

- 22/02/2011, tại Hà Nội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã phối hợp với Liên đoàn các doanh nhân và công nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ (TUSKON) và Bộ Công thương tổ chức hội thảo “Thương mại và Đầu tư Việt Nam- Thổ Nhĩ Kỳ” với sự tham gia của 29 doanh nghiệp của Thổ Nhĩ Kỳ trong các lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, máy móc, sắt thép, xi măng, công nghiệp ô tô, phụ tùng, may mặc, thực phẩm, hàng điện tử, đồ nội thất, bảo hiểm và dịch vụ tài chính, du lịch, giáo dục, kinh doanh chuỗi siêu thị, vàng bạc đá quý.. thu hút hơn 100 doanh nghiệp trong nước đang hoạt động trên các lĩnh vực đầu tư kinh doanh xuất nhập khẩu.

- 13/07/2017, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Hội đồng Kinh tế Đối ngoại Thổ Nhĩ Kỳ (DEIK) và Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam tổ chức cuộc gặp gỡ doanh nghiệp Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ.

3. Các vấn đề khó khăn thuận lợi

Theo thông báo của Thương vụ Thổ Nhĩ Kỳ tại Hà Nội, các khó khăn gặp phải từ phía bạn như sau:

- Visa: các doanh nhân Thổ Nhĩ Kỳ có mong muốn tới Việt Nam gặp khó khăn trong việc cấp visa từ Cục xuất nhập cảnh (từ chối cấp). Nguyên nhân là tại Tp, HCM có 1 số tội phạm sử dụng hộ chiếu giả quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện Sứ quán đã đề xuất với Bộ Công An để giúp giải quyết vấn đề này.
- Mở công ty, văn phòng đại diện tại Việt Nam: các doanh nghiệp bạn gặp khó khăn về việc cung cấp các giấy tờ hồ sơ hợp lệ để đạt đủ điều kiện đăng ký với Sở kế hoạch và đầu tư. Một số giấy tờ, cơ quan chức năng Việt Nam đòi hỏi mà phía Thổ Nhĩ Kỳ không có.
- Lừa đảo trong thương mại: các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ mong muốn có cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại nhằm đảm bảo quyền lợi khi giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam.

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Địa chỉ hữu ích

Đơn vị - Địa chỉ	Tel/Fax	Email/Website
Việt Nam		
Ban Quan hệ quốc tế, VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội	T: 84-4-35771380	ducva@vcci.com.vn
Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam 4th Flr., North Star Building, 4 Da Tuong Str., Hanoi	T: 84-4-38222460 F: 84-4-38222458	turkeyhn@fpt.vn
Thổ Nhĩ Kỳ		
Đại sứ quán Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ Koza Sokak No 109, Gaziosmanpasa, Ankara, Turkey	T:+90212 4468049 F:+90212 4468049	dsqynturkey@mofa.gov.vn
DEIK (Foreign Economic Relations Broad) Dış Ekonomik İlişkiler Kurulu TOBB Plaza Talatpaşa cad. No:3 Kat:5 34394 Gültepe Levent İstanbul TURKEY	T:+90212 339 50 00 F: +90212 270 30 92	info@deik.org.tr www.keskuskauppakamari.fi



Hiệp hội xuất khẩu Thổ Nhĩ Kỳ	www.turkishtime.org
Hiệp hội thương mại nước ngoài Thổ Nhĩ Kỳ	www.turktrade.org.tr

2. Các thông tin khác

*Website [CIA – The World Factbook](#)

*Website [Bộ Ngoại giao Việt Nam](#)

Bảng 1: Xuất khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ

Nước/Mặt hàng chủ yếu	DVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
Hạt tiêu	Tấn	40	178.325	4.211	18.472.987
Gạo	Tấn	524	305.115	1.798	990.611
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn			1.929	2.539.668
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		338.230		4.457.989
Cao su	Tấn	2.653	3.637.713	25.088	41.128.339
Sản phẩm từ cao su	USD		722.174		7.056.346
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		2.306.386		15.900.106
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	6.007	14.525.827	70.847	159.205.132
Hàng dệt, may	USD		4.384.407		41.135.009
Giày dép các loại	USD		4.038.442		34.748.269
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		200.480		3.987.956
Sắt thép các loại	Tấn	121	151.418	983	1.229.613
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		38.378.185		518.508.481
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		84.708.032		819.872.116
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		2.207.376		48.221.804
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		841.849		16.206.451

Bảng 2: Nhập khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ

THỔ NHĨ KỲ			19.694.262		223.724.675
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD		150.697		3.178.238
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	1.343	228.416	34.372	5.983.124
Sản phẩm hóa chất	USD		790.189		7.738.536
Dược phẩm	USD		2.006.569		17.145.962
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		374.329		4.096.887
Vải các loại	USD		4.350.923		34.492.553
Sắt thép các loại	Tấn	78	109.668	2.383	1.930.182
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		4.621.567		57.214.199